

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Yên)

Phụ lục I. Hệ thống văn bản thể chế hóa giai đoạn 2016 - 2020

TT	Số ký hiệu, ngày/tháng/ năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Ghi chú
1.	Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 26/11/2015	Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020	UBND tỉnh	
2.	Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	
3.	Kế hoạch 73/KH- UBND ngày 26/5/2016	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 14/4/2015 của Chính phủ và Chương trình hành động số 23/CTR/TU ngày 8/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.	UBND tỉnh	
4.	Kế hoạch số 74/KH- UBND ngày 31/5/2016	Kế hoạch xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
5.	Kế hoạch số 97/KH- UBND ngày 07/7/2016	Kế hoạch hành động thực hiện Nghị Quyết số 36a-NQ/CP ngày 4/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.	UBND tỉnh	
6.	Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 05/8/2016	Kế hoạch Triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
7.	Kế hoạch 125/KH- UBND ngày 16/8/2016	Kế hoạch Bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 – 2020	UBND tỉnh	
8.	Kế hoạch số 2819/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 – 2020	UBND tỉnh	
9.	Kế hoạch 10/KH- UBND ngày 18/1/2017	Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2017	UBND tỉnh	
10.	Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/3/2017	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	UBND tỉnh	

TT	Số ký hiệu, ngày/tháng/ năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Ghi chú
11.	Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Phú Yên, phiên bản 1.0	UBND tỉnh	
12.	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2018	UBND tỉnh	
13.	Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 31/01/2018	Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa liên thông tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
14.	Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 31/01/2018	Quy định về phương án ứng phó khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
15.	Quyết định 11/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018	Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý văn bản, điều hành và liên thông văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
16.	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	Ban hành mã định danh (mã dùng trao đổi văn bản điện tử trên trục liên thông văn bản) của các cơ quan, đơn vị tỉnh Phú Yên.	UBND tỉnh	
17.	Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 21/9/2018	Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện trong các năm 2018 – 2019 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	
18.	Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/9/2018	Thực hiện đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2020	UBND tỉnh	
19.	Kế hoạch 241/KH- UBND ngày 29/12/2018	Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2019	UBND tỉnh	
20.	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2019	Ban hành Danh mục loại hình: Gửi bản điện tử hoàn toàn; gửi bản giấy và bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; gửi bản giấy giữa các cơ quan, tổ chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
21.	Kế hoạch 03/KH- UBND ngày 07/01/2019	Ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước	UBND tỉnh	

TT	Số ký hiệu, ngày/tháng/ năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Ghi chú
22.	Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 11/01/2019	Ban hành Kế hoạch đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2019 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
23.	Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 16/01/2019	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh Phú Yên phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh	
24.	Kế hoạch 110/KH-UBND ngày 10/5/2019	Ban hành Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên giai đoạn 2019-2020	UBND tỉnh	
25.	Kế hoạch hành động số 141/KH-UBND ngày 16/7/2019	Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025	UBND tỉnh	
26.	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/9/2019	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
27.	Quyết định 33/2019/QĐ-UBND ngày 2/10/2019	Quyết định v/v Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
28.	Kế hoạch 234/KH-UBND ngày 30/12/2019	Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2020	UBND tỉnh	
29.	55/2020/QĐ-UBND ngày 18/1/2020	Quyết định Về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
30.	Kế hoạch 133-KH/TU ngày 18/3/2020	Kế hoạch của Ban Thường vụ tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 52 NQ/TW, ngày 17/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Tỉnh ủy	
31.	Quyết định 13/2020/QĐ-UBND, ngày 18/6/2020	Ban hành Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	
32.	Quyết định 24/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	Quyết định Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	
33.	Kế hoạch 166/KH-UBND ngày 14/9/2020	Kế hoạch Triển khai Internet protocol version 6 (IPv6) trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020- 2022	UBND tỉnh	

TT	Số ký hiệu, ngày/tháng/ năm ban hành văn bản	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	Ghi chú
34.	Kế hoạch hành động số 168/KH- UBND ngày 17/9/2020	Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW và Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 18/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	UBND tỉnh	
35.	Kế hoạch 1728/KH- UBND ngày 30/9/2020	Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh Phú Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh	
36.	Kế hoạch 181/KH- UBND ngày 30/9/2020	Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh	

Phụ lục II. Cơ sở dữ liệu Trung ương, địa phương

TT	Cơ sở dữ liệu/ phần mềm	Đơn vị triển khai	Ghi chú
I	TRUNG ƯƠNG		
1.	Phần mềm Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Bộ GD&ĐT	
2.	Phần mềm Quản lý ngân sách 8.0; Ứng dụng quản lý tài sản nhà nước; Quản lý công trình nước sạch nông thôn; Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách mức độ 4 (https://mstt.mof.gov.vn); Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) và Hệ thống kho dữ liệu thu chi ngân sách.	Bộ Tài chính	
3.	Phần mềm Quản lý hộ nghèo và cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật; Chi trả trợ cấp ưu đãi Người có công; Quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Quản lý người Việt Nam làm việc tại nước ngoài; Quản lý hồ sơ người có công; Quản lý lao động trong nước; Thống kê cơ sở Giáo dục nghề nghiệp; Quản lý thu thập thông tin trẻ em trong hộ gia đình; Quản lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	
4.	Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đến mức độ 4 (qlvt.mt.gov.vn); Cấp, đổi giấy phép lái xe mức độ 3 (http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000); Quản lý đăng ký, sát hạch, cấp GPLX cơ giới bằng vật liệu PET; Phần mềm xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; Phần mềm kiểm định phương tiện GTVT kết nối với Cục Đăng kiểm Việt Nam; Phần mềm báo cáo công tác thanh tra (tInspect); Phần mềm Quản lý cầu địa phương	Bộ Giao thông vận tải	
5.	Phần mềm PPDMS 2.0; Phần mềm FRMS (nền tảng là phần mềm QGIS); Phần mềm thuốc Bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đến các trạm, huyện, thị xã, thành phố	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
5.1.	Phần mềm PPDMS 2.0		
<p>- Về phạm vi, quy mô triển khai: Dành cho hệ thống chuyên ngành bảo vệ thực vật. Phần mềm PPDMS giúp cán bộ làm công tác trồng trọt và bảo vệ thực vật nhập số liệu thông báo tình hình sinh vật gây hại cây trồng hàng tuần; sau đó, số liệu có thể truy xuất dữ liệu phục vụ ra thông báo, báo cáo chuyên ngành từ huyện đến trung ương.</p> <p>- Về hiện trạng thông tin: Phần mềm được triển khai từ 2005, nâng cấp lần 1 năm 2016, cho đến nay vẫn chưa có nâng cấp mới nên chưa cập nhật một số đối tượng dịch hại mới xuất hiện.</p> <p>- Về hiện trạng dữ liệu: Phần mềm hoạt động trên máy chủ trực tuyến, loại bỏ thủ tục xuất file và gửi qua email, dữ liệu được nhập trực tiếp vào máy chủ, phần mềm trên máy tính sẽ vào trực tiếp máy chủ để xuất dữ liệu báo cáo.</p>			
5.2.	Phần mềm thuốc bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật		
<p>- Về phạm vi, quy mô triển khai: Phần mềm tra cứu thuốc bảo vệ thực vật trên điện thoại di động với tên phần mềm “Thuốc BVTV”. Đến ngày 17 tháng năm 5 năm 2019 phần mềm thuốc BVTV chính thức được công bố rộng rãi khắp cả nước. Phần mềm thuốc bảo vệ thực vật này ứng dụng Smart-phone tra cứu nhanh, đầy đủ thông tin về thuốc BVTV, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn nông dân và hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp tuân thủ pháp luật, sử dụng đúng thuốc</p>			

<p>BVTV, phục vụ nhu cầu sản xuất an toàn.</p> <p>- Về hiện trạng thông tin: Nguồn dữ liệu được cung cấp bởi Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ nông dân tra cứu thuốc để bảo vệ cây trồng, dịch hại; biết được thông tin chi tiết về thuốc, hàm lượng, cách sử dụng thuốc BVTV; cung cấp các bộ tài liệu tập huấn cây trồng, cảnh báo ngành hàng, quy trình phòng trừ; hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn.</p> <p>- Về hiện trạng dữ liệu: Phần mềm phần mềm ứng dụng Smart-phone do đó thuận tiện cho việc tra cứu và Cục Bảo vệ thực vật cập nhật thường xuyên danh mục thuốc BVTV mới được phép sử dụng tại Việt Nam.</p>			
5.3.	Phần mềm FRMS (nền tảng là phần mềm QGIS)		
<p>- Về phạm vi, quy mô triển khai: Dành cho hệ thống chuyên ngành về lĩnh vực lâm nghiệp, để cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh. Phần mềm FRMS để cập nhật diễn biến rừng, được áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh, quy mô trong toàn lực lượng kiểm lâm. Hạt Kiểm lâm các huyện trên cơ sở biến động về rừng, cập nhật vào phần mềm FRMS sau 15 ngày; sau đó xuất số liệu phục vụ cho báo cáo.</p> <p>- Về hiện trạng thông tin: Phần mềm được triển khai từ năm 2017, do Tổng cục Lâm nghiệp quản lý, đã có nhiều phiên bản mới cập nhật.</p> <p>- Về hiện trạng dữ liệu: Phần mềm hoạt động trên nền kiểm kê rừng năm 2016, năm sau kế thừa số liệu và bản đồ của năm trước để thực hiện. Mỗi huyện được cấp từ 01 đến 02 tài khoản, thực hiện việc cập nhật biến động rừng vào phần mềm và đồng bộ lên máy chủ trung tâm của Tổng cục Lâm nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay việc đồng bộ chưa thực hiện được vì lỗi từ máy chủ. Chi cục Kiểm lâm có 01 tài khoản cấp tỉnh, có thể trích xuất dữ liệu các huyện đã cập nhật và đồng bộ, nhưng không chỉnh sửa được dữ liệu này.</p>			
6.	Phần mềm dùng chung hệ thống thông tin về Nhà ở và Thị trường bất động sản	Bộ Xây dựng	
7.	Phần mềm quản lý hiện vật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
<p>Đến nay, Bảo tàng tỉnh đã nhập vào phần mềm 3.388 phiếu thông tin hiện vật, sử dụng trong phạm vi Bảo tàng. Trong quá trình thực hiện, phần mềm nhập ảnh có dung lượng lớn thì phải xử lý ảnh có dung lượng nhỏ hơn rồi nhập, việc này mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, do hệ quản trị dữ liệu Microsoft Access bị hạn chế nên cần phải chuyển đổi sang cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server; việc này phải có chuyên gia kỹ thuật của Cục Di sản văn hóa hỗ trợ thực hiện. Năm 2015, Bảo tàng tỉnh đã đề nghị Cục Di sản văn hóa tạo điều kiện giúp đỡ về chuyên môn kỹ thuật nâng cấp, chỉnh lý phần mềm, nhưng do chi phí cao và phần mềm bị lỗi hệ thống trên cả nước, Cục Di sản văn hóa trả lời sẽ tổ chức tập huấn lại khi có điều kiện phù hợp.</p>			
8.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp	Bộ Tư pháp	
<p>- Phạm vi và quy mô triển khai: Triển khai áp dụng cho UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường thị trấn trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Hiện trạng thông tin dữ liệu: Dữ liệu được quản lý lưu trữ tập trung tại Bộ Tư pháp.</p>			
9.	Tra cứu án tích	Bộ Tư pháp Bộ Công an	
10.	Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
11.	Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
12.	Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư	Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan	
II ĐỊA PHƯƠNG			
1.	Phần mềm quản lý giám sát và bảo trì đường bộ -	Sở Giao thông	

	govOne	vận tải	
2.	Phần mềm Quản lý Khoa học; Phần mềm Quản lý Công nghệ;	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.	Phần mềm Quản lý Sáng kiến; Phần mềm thống kê KH&CN;		
4.	Phần mềm Đánh giá trình độ công nghệ		
5.	Phần mềm quản lý công sở; Phần mềm quản lý tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	Sở Xây dựng	
5.1.	Phần mềm Quản lý công sở		
<p>- Quy mô sử dụng: Toàn tỉnh (Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện; phòng Quản lý đô thị thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa)</p> <p>- Địa chỉ: quanlycongso.phuyen.gov.vn:8080).</p> <p>- Hiện trạng dữ liệu: Gồm 02 CSDL về Công sở (604 công sở) và Công trình thuộc Công sở (1.542 công trình).</p>			
5.2.	Phần mềm Quản lý tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa		
<p>- Quy mô sử dụng: Rộng rãi (Internet)</p> <p>- Địa chỉ: qltdctcc.phuyen.gov.vn).</p> <p>- Hiện trạng dữ liệu: Gồm 02 CSDL về Tên đường (364 tên đường) và Công trình công cộng (520 công trình).</p>			
6.	Phần mềm thư viện điện tử	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
<p>Đến nay đã xây dựng được 13 cơ sở dữ liệu thư mục với 23.451 dữ liệu thông tin bạn đọc, hơn 335.000 bản sách các loại, gần 300 loại báo tạp chí và trên 6.000 băng, đĩa CD/VCD, đáp ứng nhu cầu truy cập, tra cứu của bạn đọc. Tuy nhiên, dữ liệu không có sự kết nối và chia sẻ dữ liệu biểu ghi với các thư viện khác.</p>			
7.	Ứng dụng Smart Tourism (Du lịch thông minh)		
8.	Phần mềm quản lý Hộ tịch	Sở Tư pháp	
9.	Xây dựng hệ thống tiếp nhận, quản lý kết quả quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10.	Phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu về trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS)	Sở Thông tin và Truyền thông	
11.	Cơ sở dữ liệu về thư điện tử công vụ tỉnh Phú Yên; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành		
12.	Cơ sở dữ liệu về dịch vụ công trực tuyến		
13.	Phần mềm quản lý và khai thác tài liệu lưu trữ Version 4.0.1	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	
14.	Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi tình hình tiến độ triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
15.	Hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm thống kê ngành Y tế	Sở Y tế	
16.	Hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý cơ sở cung ứng thuốc	Sở Y tế	
17.	Hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm Quản lý nhân sự ngành y tế	Sở Y tế	
18.	Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	
19.	Phần mềm thư viện điện tử	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
<p>Đến nay đã xây dựng được 13 cơ sở dữ liệu thư mục với 23.451 dữ liệu thông tin bạn đọc, hơn 335.000 bản sách các loại, gần 300 loại báo tạp chí và trên 6.000</p>			

	băng, đĩa CD/VCD, đáp ứng nhu cầu truy cập, tra cứu của bạn đọc. Tuy nhiên, dữ liệu không có sự kết nối và chia sẻ dữ liệu biểu ghi với các thư viện khác.		
20.	- Phần mềm Quản lý ngân sách 8.0	Sở Tài chính	
<p>Phục vụ công tác quyết toán ngân sách. Sở vẫn thực hiện đầy đủ việc công khai dự toán, điều hành thu chi ngân sách và quyết toán ngân sách trên Trang thông tin điện tử của Sở và trên cơ sở dữ liệu quốc gia (ứng dụng công khai ngân sách nhà nước ckns.mof.gov.vn)</p>			

	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng thuộc dự án đầu tư trang TB phục vụ hội nghị trực tuyến đa chức năng tỉnh PY		78.768.600	78.768.600			77.932.000	X		X		99			X		
	Đường truyền Internet leasdlne	13/QĐ-STTTT ngày 18/01/2016	140.000.000	140.000.000			140.000.000	X		X		100			X		
	Năm 2017:																
	Thuê đường truyền số liệu		86.710.000	86.710.000			83.344.000	X		X		96			X		
	Đường truyền Internet leasdlne + dự phòng	01/QĐ-STTTT ngày 09/01/2017	211.000.000	211.000.000			170.000.000	X		X		81			X		
	Năm 2018:																
	Thuê đường truyền số liệu		89.770.200	89.770.200			84.827.000	X				94			X		
	Đường truyền Internet leasdlne + dự phòng	164/QĐ-STTTT, ngày 18/12/2017	364.000.000	364.000.000			304.000.000	X		X		84			X		

	Năm 2019																	
	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng		84.427.200	84.427.200			84.427.000	X		X		100			X			
	Đường truyền Internet lease + dự phòng	156/QĐ-STTTT, ngày 27/12/2018	327.000.000	327.000.000			327.000.000	X		X		100			X			
3.	Trung tâm dữ liệu (Data center), trung tâm dữ liệu dự phòng																	
4.	Phòng Máy chủ																	
	Năm 2016:																	
	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hệ thống máy chủ		1.034.955.387	1.034.955.387			1.015.700.000	X		X		98			X			
	Bản quyền thiết bị tường lửa		440.000.000	440.000.000			440.000.000	X		X		100			X			
	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			
	Năm 2017:																	
	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			

	Thuê phần mềm diệt virus KASPERSKY SECURITY cho máy ảo (trên môi trường ảo hóa Vmware, CloudStack)		140.000.000	140.000.000			140.000.000	X		X		100			X			
	Xây dựng triển khai hệ thống giám sát tập trung đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho phòng máy chủ		140.000.000	140.000.000			136.000.000	X		X		97			X			
	Mua Bản quyền Windows Server 2012 (2 cpu x 10 server)		171.000.000	171.000.000			171.000.000	X		X		100			X			
	Mua sắm Tủ điện phòng máy chủ		50.000.000	50.000.000			49.000.000	X		X		98			X			
	Mua sắm thiết bị phòng máy chủ		24.000.000	24.000.000			24.000.000	X		X		100			X			
	Năm 2018:							X		X								
	Mua quạt Chassic		40.000.000	40.000.000			40.000.000	X		X		100			X			
	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			
	Thuê phần mềm diệt virus KASPERSKY SECURITY cho máy ảo (trên môi trường ảo hóa Vmware, CloudStack)		138.000.000	138.000.000			138.000.000	X		X		100			X			

	Thuê dịch vụ triển khai HT trung gian kết nối liên thông VBĐT	262.000.000	262.000.000			0					0						
3.	Hệ thống QLVBDH																
	<i>Năm 2016:</i>																
	Phần mềm QLVBDH Idesk	120.000.000	120.000.000			120.000.000	X		X		100						
	<i>Năm 2017:</i>																
	<i>Năm 2018:</i>																
	Thuê PM QLVBDH	360.000.000	360.000.000			0		X			0						
	<i>Năm 2019</i>	360.000.000	360.000.000			0		X			0						
	Thuê PM QLVBDH																
4.	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến																
	<i>Năm 2016:</i>																
	Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến UBND TP.Tuy Hòa	221.623.000	221.623.000			219.020.000	X		X		99						
5.	Cổng thông tin điện tử tỉnh																
	<i>Năm 2016:</i>																
	Nâng cấp cổng Portal của tỉnh từ version 6.1 lên 8.x	509.370.015	509.370.015			485.000.000	X		X		95						

VI.	Nhóm nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực		662.434.000	662.434.000	0	0	494.387.600										
	<i>Năm 2016:</i>																
	Đào tạo nâng cao năng lực cho nhân viên Trung tâm	Dự toán giao năm 2016	32.000.000	32.000.000			32.000.000	X		X	100						
	Đào tạo nhân lực cho Khởi động tiền ươm tạo trong lĩnh vực hoạt động Công nghệ thông tin.	Dự toán giao năm 2016	129.000.000	129.000.000			129.000.000	X		X							
	<i>Năm 2017</i>																
	Đào tạo Email công vụ		24.000.000	24.000.000			14.129.000	X			59						
	Tập huấn công DVC trực tuyến và trực liên thông PM văn phòng điện tử		36.434.000	36.434.000			35.073.000	X			96						
	Tập huấn sử dụng chữ ký số		90.000.000	90.000.000			39.869.000	X			44						
	<i>Năm 2018</i>																
	Tập huấn CKS		135.000.000	135.000.000			87.309.600	X			65						
	Hỗ trợ khởi nghiệp Công nghệ thông tin	Dự toán giao năm 2018	45.000.000	45.000.000			38.000.000	X		X	84						
	<i>Năm 2019</i>																
	Tập huấn CKS		135.000.000	135.000.000			91.007.000	X			67						

	Tập huấn, triển khai sử dụng phần mềm mã nguồn mở (Ubuntu) 14.04	Dự toán giao năm 2019	18.000.000	18.000.000			14.000.000	X		X		78						
	Bồi dưỡng kiến thức thi Kỹ năng ứng dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT	Dự toán giao năm 2019	18.000.000	18.000.000			14.000.000	X		X		78						
B.	Cấp huyện		18.144.517.690	17.244.517.690	900.000.000	0	18.140.517.691											
I.	Nhóm nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng CNTT, hạ tầng mạng		3.188.217.690	3.188.217.690	0	0	3.173.717.690											
1.	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác																	
	<i>Năm 2016:</i>																	
	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác của huyện Tuy An năm 2016		115.500.000	115.500.000			115.500.000	X		X		100						
	<i>Năm 2017:</i>																	
	Trang bị máy tính xách tay cho Đại biểu HĐND huyện Phú hòa		375.000.000	375.000.000			360.500.000	X		X		96			X			

	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác của huyện Tuy An		297.500.000	297.500.000			297.500.000	X		X		100					
	Năm 2018:																
	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác của huyện Tuy An năm 2018		307.000.000	307.000.000			307.000.000	X		X		100					
	Năm 2019																
	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác của huyện Sông Hình		1.846.000.000	1.846.000.000			1.846.000.000	X		X		100			X		
	Hạ tầng cơ bản: Trang thiết bị máy tính, trang thiết bị CNTT khác của huyện Tuy An năm 2019		205.000.000	205.000.000			205.000.000	X		X		100					
2.	Hạ tầng mạng: Mạng internet, mạng nội bộ, mạng TSLCD																
	Năm 2016:																
	Kp internet huyện Phú Hòa năm 2016		5.070.000	5.070.000			5.070.000	X				100			X		
	Năm 2017:																
	Kp internet huyện Phú Hòa năm 2017		5.071.367	5.071.367			5.071.367	X				100			X		

	<i>Năm 2018:</i>																
	Kp internet huyện Phú Hòa năm 2018	6.495.006	6.495.006			6.495.006	X				100			X			
	<i>Năm 2019</i>																
	Kp internet huyện Phú Hòa năm 2019	25.581.317	25.581.317			25.581.317	X				100			X			
II.	Nhóm nhiệm vụ xây dựng, phát triển các ứng dụng phục vụ cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp	14.556.300.000	13.656.300.000	900.000.000	0	14.566.800.001											
1.	Hệ thống QLVBDH																
	<i>Năm 2017:</i>																
	Đề án trang thiết bị phục vụ Văn phòng điện tử Tp.Tuy Hòa, 2017-2018	800.000.000	800.000.000			800.000.000	X		X		100			X			
	Thuê PM QLVBDH VNPT i-Office của huyện Sông Hinh năm 2017	19.200.000	19.200.000			19.200.000	X		X		100			X			
	<i>Năm 2018:</i>																
	Thuê PM QLVBDH VNPT i-Office của huyện Phú Hòa năm 2018	18.000.000	18.000.000			18.000.000	X		X		100			X			

	Đề án một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Phú Hòa		909.000.000	909.000.000			909.000.000	X		X		100			X		
	Năm 2018:																
	Năm 2019																
	Nâng cấp thí điểm mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp xã của huyện Phú Hòa		600.000.000	600.000.000			600.000.000	X		X		100			X		
	Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin một cửa điện tử huyện Tuy An năm 2019		1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	X		X		100			X		
5.	Các ứng dụng khác																
	Phần mềm Quản lý tài sản Tp.Tuy Hòa năm 2016		5.450.000.000	5.450.000.000			5.450.000.000	X		X		100			X		
	Phần mềm QL cán bộ công chức, viên chức UBND Tp.Tuy Hòa năm 2017		184.000.000	184.000.000			184.000.000	X		X		100			X		
	Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp UBND Tp.Tuy Hòa năm 2017		700.000.000	700.000.000			700.000.000	X		X		100			X		

Phụ lục IIIa. Danh mục các dự án, nhiệm vụ về an toàn thông tin thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020

TT	Nhiệm vụ	Căn cứ xác định nhiệm vụ	Nguồn lực				Kinh phí đã thực hiện	Nghiệm thu sản phẩm				Thực trạng cơ sở vật chất so với mục tiêu, chủ trương về ứng dụng CNTT, CPĐT		Hiệu suất sử dụng trang thiết bị			Khó khăn/Đề xuất	
			Nhu cầu	Kinh phí đã bố trí				Sản phẩm hình thành		Cơ chế nghiệm thu		Tỷ lệ đạt được so với mục tiêu/thiết kế (%)	So với nhu cầu	So với mục tiêu Nghị quyết 17	Theo đúng thiết kế	Không như thiết kế/Lý do		Không sử dụng/Lý do
				Sự nghiệp	Đầu tư	Khác		Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành/Lý do	Nội bộ nghiệm thu	Cơ quan QLNN nghiệm thu							
1.	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng thuộc dự án đầu tư trang TB phục vụ hội nghị trực tuyến đa chức năng tỉnh PY 2016		78.768.600	78.768.600			77.932.000	X		X		99			X			
2.	Đường truyền Internet leadline 2016	13/QĐ-STTTT ngày 18/01/2016	140.000.000	140.000.000			140.000.000	X		X		100			X			
3.	Thuê đường truyền số liệu 2017		86.710.000	86.710.000			83.344.000	X		X		96			X			

4.	Đường truyền Internet leadline + dự phòng 2017	01/QĐ-STTTT ngày 09/01/2017	211.000.000	211.000.000			170.000.000	X		X		81			X			
5.	Thuê đường truyền số liệu 2018		89.770.200	89.770.200			84.827.000	X				94			X			
6.	Đường truyền Internet leadline + dự phòng 2018	164/QĐ-STTTT, ngày 18/12/2017	364.000.000	364.000.000			304.000.000	X		X		84			X			
7.	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng 2019		84.427.200	84.427.200			84.427.000	X		X		100			X			
8.	Đường truyền Internet leadline + dự phòng 2019	156/QĐ-STTTT, ngày 27/12/2018	327.000.000	327.000.000			327.000.000	X		X		100			X			
9.	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hệ thống máy chủ 2016		1.034.955.387	1.034.955.387			1.015.700.000	X		X		98			X			
10.	Bản quyền thiết bị tường lửa 2016		440.000.000	440.000.000			440.000.000	X		X		100			X			
11.	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625-2016		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			

12.	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625 năm 2017		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			
13.	Thuê phần mềm diệt virus KASPERSKY SECURITY cho máy ảo (trên môi trường ảo hóa Vmware, CloudStack) 2017		140.000.000	140.000.000			140.000.000	X		X		100			X			
14.	Xây dựng triển khai hệ thống giám sát tập trung đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho phòng máy chủ 2017		140.000.000	140.000.000			136.000.000	X		X		97			X			
15.	Mua Bản quyền Windows Server 2012 (2 cpu x 10 server) 2017		171.000.000	171.000.000			171.000.000	X		X		100			X			
16.	Mua sắm Tủ điện phòng máy chủ 2017		50.000.000	50.000.000			49.000.000	X		X		98			X			
17.	Mua sắm thiết bị phòng máy chủ 2017		24.000.000	24.000.000			24.000.000	X		X		100			X			
18.	Mua quạt Chassic 2018		40.000.000	40.000.000			40.000.000	X		X		100			X			
19.	Thuê bản quyền thiết bị tường lửa Sophos 625 năm 2018		160.000.000	160.000.000			160.000.000	X		X		100			X			

**Phụ lục IV. Danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số
và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
1.	Dự án CNTT			
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020			
1.1.1.	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT: Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng công Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên nhằm hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác xử lý thủ tục hành chính công của các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, công tác quản lý và điều hành văn bản điện tử theo nhiệm vụ, Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành và đảm bảo công khai, minh bạch. Công dịch vụ công trực tuyến cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4(theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Phú Yên) cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phục vụ để phục vụ người dân và doanh nghiệp.	NSDP(1344/QĐ-UBND, 31/7/2020)
1.1.2.	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT: Trục liên thông văn bản tỉnh Phú Yên	Sở Thông tin và Truyền thông	Cung cấp giải pháp tổng thể tích hợp, liên thông dữ liệu văn bản từ các hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH) của các sở, ban, ngành và địa phương; tích hợp, liên thông dữ liệu văn bản với Trục liên thông văn bản quốc gia, là tiền đề để xây dựng, phát triển thành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh; đổi mới phương thức làm việc của UBND tỉnh và các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã hướng tới Chính quyền không giấy tờ, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong xử lý văn bản, công việc trên môi trường điện tử. Trục liên thông văn bản điện tử tỉnh Phú Yên triển khai theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành mã định danh (mã dung trao đổi văn bản điện tử trên trục liên thông văn bản) của các cơ quan, đơn vị tỉnh Phú Yên; các văn bản liên quan khác	NSDP (1345/QĐ-UBND, 31/7/2020)

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
1.1.3.	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thư điện tử tỉnh Phú Yên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo tỉnh Phú Yên. Giảm chi phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho đầu tư, nâng cấp	NSDP (2164/QĐ-UBND, 9/11/2018)
1.1.4.	Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.	Sở Tư Pháp	Cơ sở dữ liệu công chứng bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, động sản và bất động sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng. Dữ liệu về tài sản công chứng được lưu trữ tập trung, đảm bảo khả năng cung cấp cho các đối tượng tham gia ứng dụng. Quản lý tập trung toàn bộ dữ liệu ngăn chặn của tỉnh tại một nơi duy nhất, bảo đảm tính an toàn pháp lý cho cơ sở dữ liệu Công chứng. Dữ liệu được tập trung sắp xếp một cách khoa học, thống nhất trong cấu trúc cơ sở dữ liệu, bảo đảm truy cập thống nhất từ mọi tổ chức hành nghề công chứng.	NSDP (5982/UBND-NC, 25/11/2019)
1.2.	Dự án triển khai mới			
1.2.1.	Xây dựng Nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh Phú Yên (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh Phú Yên làm thành phần cốt lõi, trọng tâm trong xây dựng chính quyền điện tử tỉnh	2403/BTTTT-KHTC, 29/6/2020; NSTW, NSDP
1.2.2.	Nâng cấp, mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Phú Yên	Sở Thông tin và Truyền thông	Mạng WAN phục vụ: Các ứng dụng CNTT từ UBND tỉnh và các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh đến 9 UBND cấp huyện và 110 cấp xã cần liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Đường truyền phục vụ cho hệ thống giao ban trực tuyến.	Cục BD TW hỗ trợ tỉnh
1.2.3.	Nâng cấp, chỉnh sửa giao diện, đáp ứng yêu cầu về bản quyền, an toàn an ninh thông tin của Công thông tin điện tử của Tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Nâng cấp, chỉnh sửa giao diện, đáp ứng yêu cầu về bản quyền, an toàn an ninh thông tin.	353/TB-UBND, 28/9/2020; 381/TB-UBND, 28/10/2020 NSDP
1.2.4.	Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, VPUBND tỉnh		353/TB-UBND, 28/9/2020; 381/TB-UBND, 28/10/2020 NSDP

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
1.2.5.	Trung tâm giám sát điều hành tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, VPUBND tỉnh	Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Phú Yên nhằm quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ triển khai đô thị thông minh; hình thành đơn vị trung tâm tổng hợp dữ liệu, quản lý và điều hành hoạt động đô thị theo mô hình đô thị thông minh.	353/TB-UBND, 28/9/2020; NSDP;381/TB-UBND, 28/10/2020 390 /BC-TTCNTTTT, 11/12/2020; 893/VNPT-PY, 9/11/2020
1.2.6.	Camera an ninh tích hợp AI xử lý trung tâm	Sở Thông tin và Truyền thông, VPUBND tỉnh		353/TB-UBND, 28/9/2020;381/TB-UBND, 28/10/2020 NSDP
1.2.7.	Hệ thống thông tin báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Chuẩn hóa, số hóa biểu mẫu báo cáo, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ công tác báo cáo, cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh. Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Phú Yên trên cơ sở các chế độ báo cáo của địa phương đã được chuẩn hóa. Đảm bảo Hệ thống triển khai đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ. Hệ thống thông tin báo cáo vận hành có thể tích hợp, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, đảm bảo đến hết năm 2020 ít nhất 30% chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo.	353/TB-UBND, 28/9/2020; 381/TB-UBND, 28/10/2020 NSDP, XHH
1.2.8.	Các dự án ứng dụng Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung trong các cơ quan nhà nước. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực.	1031/STTTT-VP, 21/8/2020
1.2.9.	Xây dựng hệ thống lưu trữ, quản lý thông tin về khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường		156/TB-UBND, 4/5/2020

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
1.2.10.	Số hóa tài liệu lịch lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên	Sở Nội vụ	Thực hiện số hóa 100% nguồn tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ lịch sử tỉnh nhằm chuyển từ phương thức lưu trữ từ truyền thống sang lưu trữ điện tử, hình thành Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ lịch sử điện tử. Xây dựng phần mềm quản lý kho lưu trữ điện tử, cung cấp các công cụ để quản lý, cập nhật, tìm kiếm và khai thác thông tin tài liệu lưu trữ lịch sử đã số hóa, dần chuyển đổi sang hình thức nộp lưu qua mạng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đồng thời nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ. thông tin trong công tác chuyên môn của các công chức, viên chức làm công tác lưu trữ trên địa bàn tỉnh. Cung cấp các báo cáo thống kê một cách nhanh chóng và chính xác về số liệu tài liệu lưu trữ; kịp thời phục vụ cho việc quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả. Cung cấp công cụ cho phép các cơ quan, tổ chức và người dân (độc giả) có nhu cầu tra cứu tài liệu có thể tiếp cận với nguồn thông tin lưu trữ một cách nhanh chóng. Đầu tư hạ tầng phần cứng và phần mềm thương mại đáp ứng để cài đặt, vận hành phần mềm và lưu trữ CSDL tài liệu số hóa.	1932/QĐ-UBND. 9/11/2020;
1.2.11.	Đề án Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020 - 2025	Sở Y tế	Tham gia xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh, góp phần thực hiện tốt Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính (CCHC) và giảm quá tải bệnh viện; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử, hình thành các bệnh viện thông minh. Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý y tế, triển khai hệ thống văn phòng điện tử, công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử về thủ tục hành chính (TTHC), đẩy mạnh các dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4, xây dựng nền quản trị y tế thông minh.	704/QĐ-UBND ngày 05/5/2020;NSĐP: 28.810 Đơn vị y tế/XHH: 34.613
1.2.12.	Nâng cấp phòng họp trực tuyến UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		561/VPUBND- TTTT, 9/11/2020

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
1.2.13.	Công du lịch thông minh tỉnh Phú Yên	Sở VH TT&DL	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý của Sở VH TTDL cho lĩnh vực du lịch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Sử dụng CNTT và truyền thông để hình thành hệ sinh thái du lịch và tạo lợi ích tương hỗ giữa 3 đối tượng: Du khách, doanh nghiệp và chính quyền. Giúp cho việc tuyên truyền quảng bá rộng rãi trong và ngoài nước về tiềm năng, thế mạnh phát triển du lịch tỉnh Phú Yên. Qua đó, thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, tập trung khai thác hợp lý tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch văn hóa, góp phần thu hút và tăng nhanh lượng khách đến Phú Yên. Xây dựng Hệ thống Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch trên thiết bị thông minh với đầy đủ tính năng, chức năng theo quy định.	426/QĐ-UBND, 20/3/2020
2.	Nhiệm vụ công nghệ thông tin			
2.1.	Nhiệm vụ chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020			
2.1.1.	Nhiệm vụ phát triển hạ tầng	Sở Thông tin và Truyền thông	Duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh (chi phí đường truyền, điện, backup,...)	
2.1.2.	Nhiệm vụ xây dựng nền tảng hệ thống tích hợp và chia sẻ dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các HTTT, CSDL của địa phương được kết nối, liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.	
2.1.3.	Nhiệm vụ xây dựng các CSDL			
2.1.3.1.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL cán bộ, công chức, viên chức tỉnh.	Sở Nội vụ		
2.1.3.2.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL chuyên ngành tài nguyên và môi trường, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường		
2.1.3.3.	Xây dựng CSDL ngành giáo dục, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo		

TT	Tên dự án/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, quy mô	Nguồn vốn
2.1.3.4.	Xây dựng CSDL ngành Y tế, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Y tế		
2.1.3.5.	Xây dựng CSDL ngành lao động, thương binh và xã hội, liên thông hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		
2.1.3.6.	Xây dựng CSDL ngành khác phục vụ chia sẻ, kết nối hệ thống thông tin của tỉnh	Các sở, ban, ngành		
2.1.3.7.	Xây dựng, hoàn thiện CSDL không gian địa lý (GIS) trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường		

2.2.	Nhiệm vụ phát triển các ứng dụng CNTT phục vụ CQNN, phục vụ người dân và doanh nghiệp			
2.2.1.	Sử dụng các nền tảng mạng xã hội để hỗ trợ quản lý nhà nước, tăng cường tương tác người dân và doanh nghiệp với cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Ứng dụng Zalo hỗ trợ quản lý Khu phố. Ứng dụng mạng xã hội để đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	
2.3.	Nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin			
2.3.1.	Triển khai TT giám sát và điều hành ứng phó sự cố an toàn thông tin (S.O.C)	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố và Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính quyền điện tử.	
2.3.2.	Trang bị hệ thống đảm bảo an toàn thông tin số cho hệ thống mạng của cơ quan nhà nước	Sở TT&TT	Cung cấp giải pháp an toàn thông tin số tại hệ thống trung tâm dữ liệu và các điểm trọng yếu đảm bảo ATTT	

2.3.3.	Phần mềm ngăn ngừa mã độc và hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích cho các máy chủ phần mềm dùng chung của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Trang bị phần mềm (License) ngăn ngừa mã độc và hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích nhằm tăng cường khả năng bảo mật, phòng chống tấn công mạng cho các máy chủ phần mềm dùng chung của tỉnh	
2.4.	Nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực			
2.4.1.	Tổ chức tập huấn và triển khai các chính sách ATTT theo tiêu chuẩn ISO 27001 và đào tạo kỹ năng ứng phó sự cố, bảo đảm ATTT mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố và Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính quyền điện tử: Đào tạo kỹ năng đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin (hàng năm). Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng cho Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh (02 năm/lần).	
2.5.	Nhiệm vụ triển khai mới			
2.5.1.	Đánh giá an toàn thông tin và giám sát sơ đề xuất cấp độ cho HTTT tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin và xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ cho HTTT tại Trung tâm dữ liệu tỉnh nhằm tăng cường công tác quản lý, vận hành và đảm bảo ATTT tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.	
2.5.2.	Kinh phí hỗ trợ triển khai thử nghiệm chương trình chuyển đổi số cho các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hỗ trợ triển khai thí điểm chương trình chuyển đổi số cho các địa phương	
2.5.3.	Tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và tổ chức sự kiện Ngày chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và tổ chức sự kiện Ngày chuyển đổi số	
2.5.4.	Đào tạo 50 chuyên gia chính phủ điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Đào tạo chuyên gia tham mưu triển khai chính phủ điện tử tại địa phương	
2.5.5.	Đào tạo, tập huấn kỹ năng quản lý, ứng dụng CNTT cho CBCCVV toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Đào tạo kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng đảm bảo ATTT cho caBCCVC cấp tỉnh, huyện, xã, nhất là vùng sâu vùng xa	
2.5.6.	Xây dựng lược đồ định danh cho nhóm cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông		
2.5.7.	Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ cuộc họp và xử lý công việc của Chính phủ tại HĐND, UBND các cấp ngay sau khi Hệ thống được	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống thông tin phục vụ cuộc họp và xử lý công việc được triển khai tại địa phương.	

	Trung ương đưa vào vận hành tại địa phương.			
2.5.8.	Xây dựng, hoàn thiện các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành, CSDL chuyên ngành, kết nối liên thông, chia sẻ với Hệ thống Hành chính công trực tuyến, Công Dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành, CSDL chuyên ngành hoàn thành, có khả năng kết nối liên thông.	
2.5.9.	Thúc đẩy và ứng dụng phần mềm nguồn mở	Sở TT&TT	Đẩy mạnh ứng dụng mã nguồn mở trong các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, triển khai các phần mềm trên nền tảng nguồn mở (sao lưu dữ liệu, cân bằng tải, firewall...)	
2.5.10.	Xúc tiến phát triển thương mại điện tử	Sở TT&TT	Tuyên truyền, hỗ trợ đào tạo, tập huấn sử dụng ứng dụng CNTT	
2.5.11.	Trang bị máy tính, thiết bị CNTT bảo mật tại các đơn vị tỉnh	Sở, ban, ngành, địa phương	Trang bị máy tính, thiết bị CNTT, hệ thống bảo mật tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền điện tử	
2.5.12.	Phát triển công nghiệp CNTT	Sở TT&TT	Triển khai các hoạt động đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT	
2.5.13.	Xây dựng hệ thống xác thực người dùng tập trung, tích hợp chứng thư số vào hệ thống	Sở TT&TT	CBCCVC sử dụng 01 tài khoản truy cập vào các ứng dụng dùng chung của tỉnh	
2.5.14.	Tuyên truyền chính quyền điện tử	Sở TT&TT	Tuyên truyền nâng cao nhận thức của CBCCVC, nhân dân tham gia xây dựng CQĐT, chính quyền số, XH số	
2.5.15.	Hội thảo về CNTT- Chính quyền số, XH số	Sở TT&TT	Cung cấp thông tin cho lãnh đạo tỉnh, sở, ban, ngành, địa phương những xu hướng công nghệ, tình hình ứng dụng và phát triển CNTT trong xây dựng CQĐT	
2.5.16.	Tham quan học tập kinh nghiệm tại các tỉnh có trình độ, thành công về xây dựng CQĐT	Sở TT&TT	Lãnh đạo tỉnh, sở, ban, ngành liên quan tham gia học tập kinh nghiệm để triển khai thực hiện CQĐT tỉnh	
3.	Ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị, địa			

	phương			
3.1.	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2021-2025	Sở TT&TT	Nâng cấp mạng, trang bị mới các thiết bị thiết yếu phục vụ cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Nâng cấp phòng họp trực tuyến của Sở	75/KH-STTTT, 6/10/2020
3.2.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ban Dân tộc giai đoạn 2021 - 2025	Ban Dân tộc	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử của Ban	31/KH-BDT, 18/9/2020
3.3.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tư pháp giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tư Pháp	Mua sắm thiết bị như: Phần mềm diệt virus có bản quyền, Máy chiếu, Máy vi tính, Máy in cục bộ phục vụ cho công tác chuyên môn. Nâng cấp và bảo trì máy chủ để phục vụ phần mềm Hộ tịch nhanh chóng, thông suốt và an toàn dữ liệu.	56/KH-STP, 22/9/2020
3.4.	Ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 của Sở Tài chính	Sở Tài chính		2705/KH-STC, 21/9/2020
3.5.	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2021-2025 của huyện Sông Hinh	UBND huyện Sông Hinh	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho hội nghị trực tuyến...	123/KH-UBND. 21/9/2020
3.6.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Công Thương Phú Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước;	41/KH-SCT, 28/8/2020
3.7.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		15/KH-BQLKNN, 22/9/2020
3.8.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Công an tỉnh giai đoạn 2021-2025	Công An Tỉnh	(Không có dự toán kinh phí)	251/KH-CAT-PV01, 21/9/2020

3.9.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ		48/KH- SKHCN, 29/10/2020
3.10.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đầu tư, trang thiết bị phòng họp trực tuyến tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	32/KH-SKHĐT, 22/9/2020
3.11.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025	Văn phòng UBND tỉnh	Nâng cấp, trang bị mới các thiết bị thiết yếu phục vụ cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Quản lý văn bản và điều hành. Đào tạo. Phần mềm kế toán,...	561/PUBND-TTTT, 9/11/2020
3.12.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố Tuy Hòa		170/KH-UBND, 30/10/2020
3.13.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Phần mềm quản lý công tác thi đua – khen thưởng và Phần mềm quản lý công tác tôn giáo	

**Phụ lục IVa. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực
công nghệ thông tin giai đoạn 2021 – 2025**

TT	Hình thức văn bản	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành	Năm thực hiện
1.	Quyết định	Quy chế chia sẻ dữ liệu của tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh	2021-2022
2.	Quyết định	Rà soát, cập nhật "Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh"	UBND tỉnh	2023-2025
3.	Quyết định	Rà soát, cập nhật "Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa liên thông tỉnh Phú Yên."	UBND tỉnh	2021-2022
4.	Quyết định	Rà soát, cập nhật "Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý văn bản, điều hành và liên thông văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên."	UBND tỉnh	2023-2025
5.	Quyết định	Rà soát, cập nhật "Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên"	UBND tỉnh	2023-2025
6.	Quyết định	Rà soát, cập nhật "Quyết định Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Phú Yên"	UBND tỉnh	2022-2025